

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2016/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 15 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát,
hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của
Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết
toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản
quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 41/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Lào Cai về mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát,
hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 84/TTr-STP ngày
02/8/2016.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Sở Tư pháp;

b) Tổ chức pháp chế các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Phòng Tư pháp các huyện, thành phố;

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu, kế hoạch.

Điều 2. Một số mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra					
a	Chủ trì cuộc họp	Người/ buổi	150	120	100	Cấp xã: Áp dụng đối với công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản
b	Các thành viên tham dự	Người/ buổi	100	80	60	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp. (Chuyên gia là người có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo chuyên sâu, có kinh nghiệm trong một lĩnh vực chuyên ngành cụ thể)	01 báo cáo/01 văn bản	600	500	400	Cấp xã: Áp dụng đối với công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản
3	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm văn công tác kiểm tra văn bản	01 văn bản	100	80		
4	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản					
a	Mức chi chung	01 văn bản	140	100		
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	300	200		
5	Chi soạn thảo, viết báo cáo					
a	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật	01 báo cáo	200	150		

b	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực (bao gồm cả báo cáo liên ngành)	01 báo cáo	1.000	800	600	Cấp xã: Áp dụng đối với công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản
	Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan	01 báo cáo	1.500	1.200		
6	Chỉ rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản; rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định	01 văn bản	100	80	60	
7	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu (01 văn bản)	70	60	40	Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên công báo

Điều 3. Các mức chi khác

Đối với các nội dung, mức chi khác cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật không quy định trong Quyết định này thì áp dụng theo Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 4. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, căn cứ nội dung, kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền giao, hàng năm tiến hành lập dự toán kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa

văn bản quy phạm pháp luật cùng với dự toán chi hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối với các tổ chức pháp chế không phải là đơn vị dự toán, hàng năm căn cứ vào các nội dung kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại Quyết định này và kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa được duyệt, lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản gửi bộ phận tài chính của cơ quan mình để tổng hợp chung vào dự toán kinh phí của cơ quan theo quy định.

3. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản pháp luật hiện hành.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Do ngân sách địa phương bảo đảm từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu; nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước; nguồn tự cân đối bố trí theo khả năng ngân sách địa phương và được bố trí trong dự toán ngân sách của Ủy ban nhân dân các cấp theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để hướng dẫn thực hiện hoặc nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016.

2. Quyết định số 36/2012/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đặng Xuân Phong